

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030
và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ, nâng cao chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 5556/QĐ-BYT ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Phần I

**Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2020**

1. Công tác triển khai

Thực hiện Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 11446/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 về thực hiện Chiến lược dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 - 2020, giao Sở Y tế là cơ quan đầu mối triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch. Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn có bộ phận, cán bộ phụ trách công tác dinh dưỡng; 100% ấp, khu phố có cộng tác viên dinh dưỡng.

Thực hiện Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản số 454/UBND-KGVX ngày 15 tháng 1 năm 2020 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam”.

2. Công tác truyền thông, vận động, giáo dục phổ biến kiến thức và thực hành dinh dưỡng đến người dân

Qua 10 năm (2011 - 2020) thực hiện Kế hoạch chiến lược quốc gia về dinh dưỡng tại Đồng Nai, công tác truyền thông được đẩy mạnh, đã kịp thời giáo dục, phổ biến kiến thức, vận động thực hành dinh dưỡng hợp lý.

Hàng năm, tổ chức nhiều đợt truyền thông với nhiều nội dung về dinh dưỡng như: Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 06 tháng đầu, hướng dẫn chế độ ăn cho trẻ nhỏ, các lời khuyên về dinh dưỡng, góp phần tích cực trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu của Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020

Trong những năm qua được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể, các địa phương, công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung và trẻ em của tỉnh Đồng Nai nói riêng từng bước được cải thiện, góp phần đảm bảo nguồn nhân lực cho lao động sản xuất của tỉnh. Kết quả đạt được trong những năm qua:

- Quản lý, theo dõi gần 100% bà mẹ có thai và bà mẹ có con nhỏ < 05 tuổi.
- Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49 tuổi) được uống viên sắt/viên đa vi chất khoảng 51,5% .
- Trên 90% phụ nữ có thai được uống viên sắt.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi thừa cân, béo phì hàng năm đều giảm: năm 2013 là 10,1% giảm xuống còn 8% vào năm 2014 và giảm xuống còn 8,7% vào năm 2018. Tỷ lệ thừa cân, béo phì hàng năm đạt dưới 10% (đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra dưới 10%).
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2500 gram được khống chế ở mức dưới 4%. Tính trung bình trong 10 năm qua, mỗi năm khống chế ở mức giảm từ 3,2-3,4% (đạt chỉ tiêu giao dưới 4%).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi hàng năm có giảm, tuy nhiên vẫn ở mức trung bình của cả nước: Năm 2011 là 28,9% giảm xuống 21,2% năm 2020, trung bình mỗi năm giảm 0,7%.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) của trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn tỉnh đã giảm nhanh: Từ 12% năm 2011 giảm xuống còn 7,6% năm 2020 (đạt mục tiêu).

- Từ năm 2013 - 2017 đã cho 99,4% (1.370.153/1.378.711 lượt) trẻ 6 - 36 tháng tuổi uống bổ sung Vitamin A.

- Trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ thiếu vitamin A (sởi, tiêu chảy kéo dài, viêm đường hô hấp cấp, suy dinh dưỡng nặng) từ năm 2011 - 2020: 36.416 trẻ.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối I-ốt (đủ tiêu chuẩn phòng bệnh từ 20 ppm - 40 ppm) tăng dần: Năm 2013 là 73,05% tới năm 2020 là 87,58%; I-ốt niệu trung vị năm 2017 là 8,81 mcg/dl thấp hơn tiêu chuẩn phòng bệnh (≥ 10 mcg/dl).

- Trong giai đoạn này đã tiến hành 02 đợt khám sàng lọc bướu cổ cho 4.863 em học sinh từ 6 - 10 tuổi tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh. Năm 2014 tỷ lệ bướu cổ ở học sinh 6 - 10 tuổi là 1,7%, năm 2017 tỷ lệ này giảm còn 1,2%.

- Trong 10 năm qua tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 06 tháng đầu đời tăng (năm 2010 0%, năm 2015 đạt 32,4%, năm 2017 đạt 43,7%; năm 2019 đạt 41,1%, năm 2020 đạt 43,1%), đạt so với chỉ tiêu kế hoạch chiến lược đề ra.

4. Đánh giá chung

Qua thời gian triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh, một số chỉ tiêu đạt và vượt Kế hoạch nhưng tỷ lệ còn thấp như: tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 06 tháng đầu đời, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối I-ốt. Nguyên nhân do công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng tại một số địa phương gặp khó khăn, địa bàn rộng, dân cư sống không tập trung.

Ngoài ra, với xu hướng trong khẩu phần ăn nhiều đạm và chất béo của người Việt Nam, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao vẫn còn ở mức khá cao 23,6% (năm 2018), tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ mang thai cải thiện ít, tình trạng thừa cân - béo phì và một số bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng như tăng huyết áp, đái tháo đường... đang có xu hướng gia tăng. Do đó, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em là nhiệm vụ hết sức quan trọng để hướng tới phát triển toàn diện tâm vóc, thể chất, trí tuệ của người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức khỏe cho cộng đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Phần II

Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng miền, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu cụ thể 1: Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ 6 - 23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 8% (khu vực miền núi xuống dưới 25%) vào năm 2025 và dưới 5% (khu vực miền núi dưới 20%) vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 90% và 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 90% đối với tuyến trung ương, tuyến tỉnh; 75% đối với tuyến huyện vào năm 2025 và phấn đấu đạt 100% đối với tuyến trung ương, tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên.

- Phần đầu tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 17% (khu vực miền núi dưới 28%) vào năm 2025 và dưới 15% (khu vực miền núi dưới 23%) vào năm 2030.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống $< 7,5\%$ vào năm 2025, $< 7,0\%$ vào năm 2030.

- Phần đầu tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 5% vào năm 2025 và dưới 3% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tính tăng từ 2 - 2,5cm đối với nam và 1,5 - 2cm đối với nữ so với năm 2020.

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2500g) xuống dưới 5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

c) Mục tiêu cụ thể 3: Từng bước kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mãn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành.

- Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát: trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành phố ở mức dưới 11% và khu vực nông thôn ở mức dưới 7%); trẻ em 5 - 18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành phố ở mức dưới 27% và khu vực nông thôn ở mức dưới 13%); người trưởng thành 19 - 64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 17%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15 - 49 tuổi) giảm xuống dưới 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030.

- Trên 70% trường học có hoạt động truyền thông về dinh dưỡng hợp lý

- Trên 95% trường học có hoạt động thể lực, nâng cao sức khỏe cho học sinh.

d) Mục tiêu cụ thể 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ.

- Trên 50% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49 tuổi) được uống viên sắt/acid folic; trên 90% phụ nữ có thai được uống viên sắt.
- Trên 95% trẻ em trong độ tuổi 6 - 36 tháng được uống vitamin A liều cao.
- Trên 90% trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ thiếu vitamin A (Trẻ suy dinh dưỡng, Tiêu chảy, viêm đường hô hấp cấp) được uống vitamin A theo phác đồ của Bộ Y tế.
- Trên 95% bà mẹ trong vòng 1 tháng ngay sau sinh được uống Vitamin A theo Phác đồ của Bộ Y tế.
- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hàng ngày tăng lên trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

đ) Mục tiêu cụ thể 5: Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp tại các đơn vị.

- Đến năm 2025, 100% các huyện, thành phố có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá, triển khai can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp và duy trì đến năm 2030.
- Đến năm 2025, 100% các huyện, thành phố có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chính sách

a) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, đẩy mạnh công tác truyền thông vận động, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng cho các cấp lãnh đạo, các cán bộ quản lý để đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương và Nghị quyết của Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chính sách, quy định pháp luật về dinh dưỡng và thực phẩm tại địa phương.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành theo hướng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững để đảm bảo an ninh thực phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; khuyến khích ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đến các vùng nghèo, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa đẩy mạnh tăng cường thu hút đầu tư của các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp... cho hoạt động dinh dưỡng tại cơ sở.

đ) Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và từng địa phương.

2. Giải pháp về nguồn lực

a) Phát triển nguồn nhân lực

- củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở tuyến cơ sở (thôn/bản/tổ dân phố) từ tỉnh tới xã/phường/thị trấn và ở các ban, ngành.

- Nâng cao năng lực quản lý điều hành về công tác dinh dưỡng cho cán bộ các cấp từ tỉnh đến cơ sở và các ban, ngành có liên quan. Đẩy mạnh công tác huấn luyện, đào tạo để củng cố và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn về dinh dưỡng ở cả hai lĩnh vực dự phòng và điều trị.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho đào tạo cán bộ chuyên sâu làm công tác dinh dưỡng (sau đại học, cử nhân, kỹ thuật viên dinh dưỡng/dinh dưỡng tiết chế) ở các tuyến với các hình thức phù hợp với từng đối tượng và từng địa phương; huy động sự tham gia của các tổ chức và cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội khác và cá nhân để tăng cường nguồn lực.

b) Nguồn lực tài chính

- Xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính và từng bước tăng mức đầu tư cho công tác dinh dưỡng, trong đó ngân sách sự nghiệp của Nhà nước

đóng vai trò chủ đạo. Tiếp tục tăng cường nguồn lực cho chương trình dinh dưỡng trong đó chú trọng công tác phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em <5 tuổi cả về cân nặng và chiều cao. Dự phòng thừa cân - béo phì và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng.

- Kinh phí thực hiện cho chiến lược quốc gia về dinh dưỡng của tỉnh được huy động từ các nguồn khác nhau, bao gồm: Nguồn kinh phí và đầu tư của Trung ương cho các hoạt động về dinh dưỡng; nguồn kinh phí đầu tư của địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác; nguồn kinh phí từ viện trợ ODA và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các tổ chức, cá nhân khác (nếu có) để đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng

- Quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong chăm sóc dinh dưỡng cho mọi người dân. Tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách.

3. Giải pháp về tuyên truyền vận động và thông tin truyền thông giáo dục dinh dưỡng

- a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc tổ chức các hoạt động của kế hoạch; vận động, nâng cao kiến thức về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất và trí tuệ của trẻ em cho các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý.

- b) Triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mãn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- c) Tiếp tục thực hiện giáo dục dinh dưỡng về thể chất trong các hệ thống trường học; lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào chương trình hoạt động thường xuyên của các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan thông qua quy chế phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa ngành Y tế với các ngành liên quan trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

- d) Có giải pháp huy động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp vào công tác dinh dưỡng.

đ) Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

e) Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Đài Truyền hình, Đài Phát thanh và Truyền hình các địa phương, hệ thống kênh phát thanh trực tuyến, mạng xã hội...

4. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

a) Đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học nhằm đánh giá yếu tố nguy cơ và hậu quả của rối loạn dinh dưỡng, trong đó tập trung vào suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi của trẻ em và các bệnh mãn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng của các nhóm đối tượng, đặc biệt là nhóm trẻ tiền học đường và học đường. Ngoài ra, chú trọng nghiên cứu bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm để đa dạng hóa thực phẩm giàu vi chất dinh dưỡng.

b) Đào tạo liên tục, tăng cường nghiên cứu khoa học, đào tạo huấn luyện để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp cận và áp dụng những kinh nghiệm, thành tựu khoa học của các nước trong khu vực và trên thế giới về lĩnh vực dinh dưỡng. Tổ chức các lớp tập huấn tập trung và tập huấn ngắn hạn cho các chuyên trách/thư ký dinh dưỡng tuyến tỉnh, huyện, xã về nâng cao chất lượng chuyên môn, lập kế hoạch, kỹ năng triển khai hoạt động, kỹ năng tư vấn dinh dưỡng và một số hoạt động dinh dưỡng khác tại cộng đồng.

c) Thực hiện cân, đo trẻ kết hợp thực hành dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ < 2 tuổi và người chăm sóc trẻ theo kế hoạch.

d) Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng: duy trì có hiệu quả hoạt động bổ sung Vitamin A, bổ sung viên sắt/acid folic cho phụ nữ có thai và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và một số vi chất khác như: Kẽm, I-ốt, Vitamin D... đặc biệt là những xã, huyện có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao.

đ) Nghiên cứu xây dựng các mô hình can thiệp phòng chống yếu tố nguy cơ góp phần kiểm soát các vấn đề dinh dưỡng nảy sinh trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển mạng lưới dịch vụ, tư vấn và phục hồi dinh dưỡng cộng đồng.

e) Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc

dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

g) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường); giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp, tổ chức truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

h) Đa dạng hóa sản xuất, chế biến và sử dụng các loại thực phẩm sẵn có ở địa phương. Phát triển hệ sinh thái vườn - ao - chuồng, đảm bảo sản xuất, lưu thông, phân phối và sử dụng thực phẩm an toàn. Tăng cường sử dụng cá, sữa, rau trong bữa ăn hàng ngày.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ phần mềm trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Tăng cường sử dụng thông tin và bằng chứng khoa học trong xây dựng chính sách, lập kế hoạch, chương trình, dự án về dinh dưỡng ở các cấp, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi và thiếu vi chất dinh dưỡng.

c) Áp dụng kinh nghiệm và thành tựu khoa học dinh dưỡng trong dự phòng béo phì, hội chứng chuyển hóa và các bệnh mãn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

d) Tăng cường hợp tác và hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước một cách toàn diện để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai thực hiện Chiến lược của tỉnh.

đ) Lồng ghép các dự án trên địa bàn tỉnh để hoạt động của Chiến lược dinh dưỡng thực hiện được các mục tiêu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động dinh dưỡng và các chương trình dự án can thiệp dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh phù hợp với Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp các sở, ban, ngành xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình như thực hiện dinh dưỡng hợp lý, cải thiện dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng học đường, dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề, dinh dưỡng phòng chống yếu tố nguy cơ và bệnh mạn tính không lây...

c) Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban điều hành tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành các cấp.

d) Tổ chức sơ kết qua mỗi năm thực hiện và tổng kết chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2025; giai đoạn 2025 - 2030.

đ) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền ban hành chính sách bảo đảm cơ sở pháp lý, chế độ chi cho hoạt động cải thiện, chăm sóc dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp Sở Tài chính, Sở Y tế căn cứ khả năng cân đối ngân sách trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

b) Vận động, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, khuyến khích các cá nhân, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực dinh dưỡng.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh để bố trí ngân sách thực hiện các chương trình, đề án, dự án về dinh dưỡng sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

b) Phối hợp Sở Y tế, các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách tỉnh, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực dinh dưỡng.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống.

b) Lồng ghép các hoạt động ứng phó dinh dưỡng, lập kế hoạch, chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với thiên tai.

c) Phối hợp Sở Y tế thực hiện các hoạt động dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em và phụ nữ tuổi sinh đẻ, đặc biệt ở những xã miền núi, xã khó khăn, xã có đồng bào dân tộc thiểu số và những xã bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

d) Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học tổ chức ăn bán trú, xây dựng thực đơn riêng phù hợp với mọi lứa tuổi, thường xuyên thay đổi các món ăn, không lạm dụng sử dụng thực phẩm chế biến sẵn trong bữa ăn của trẻ; bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho trẻ em.

b) Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh.

c) Phối hợp ngành Y tế tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, quản lý căn tin trường học, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, đồ uống có đường và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học và bên cạnh trường học theo quy định.

d) Thực hiện tốt công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với học sinh và phòng chống bệnh dịch trong nhà trường.

đ) Chỉ đạo việc củng cố và nâng cao các bếp ăn tập thể ở trường học đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

e) Chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng hợp lý cho học sinh trong Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 và Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho

trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng.

b) Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm”.

7. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy xã hội hóa trong sản xuất, cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng.

b) Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý trên các kênh thông tin truyền thông.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan hỗ trợ các nghiên cứu đặc thù về dinh dưỡng, thực phẩm và các hoạt động khác liên quan đến dinh dưỡng của tỉnh.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Lồng ghép tuyên truyền kiến thức về dinh dưỡng hợp lý vào các hoạt động cô đọng, văn hóa quần chúng. Tổ chức các chương trình hoạt động thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc và phòng chống thừa cân - béo phì, các bệnh mãn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng.

b) Phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan trong việc quản lý quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, hạn chế quảng cáo các sản phẩm dinh dưỡng không có lợi cho sức khỏe theo quy định.

11. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp chỉ đạo và đánh giá tình hình dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh

Phối hợp Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Kế hoạch.

13. Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh

Phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng cho các thành viên, hội viên. Phối hợp Sở Y tế tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề có liên quan nhằm xã hội hóa công tác dinh dưỡng.

14. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động truyền thông qua các Đội tuyên truyền măng non ở các trường, câu lạc bộ Phóng viên nhỏ của các huyện, thành phố về chiến lược quốc gia dinh dưỡng, chú trọng nội dung vệ sinh an toàn thực phẩm đến tận đội viên thanh thiếu niên, nhi đồng. Tiếp tục phát động phong trào 3 sạch “ăn sạch, uống sạch, chơi sạch” trong toàn thể hội viên học sinh.

15. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

a) Phối hợp Sở Y tế tổ chức phổ biến kiến thức về dinh dưỡng cân đối, hợp lý đối với sức khỏe cho các hội viên và các bà mẹ, đặc biệt là các bà nội trợ, chị em kinh doanh về thực phẩm.

b) Vận động cộng đồng cùng tham gia phối hợp chặt chẽ với ngành y tế triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động dinh dưỡng và các chương trình, dự án, đề án can thiệp dinh dưỡng trên địa bàn phù hợp với Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người dân hàng năm.

b) Đề xuất với Hội đồng nhân dân cấp huyện đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

c) Tăng cường xã hội hóa huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành nhằm thông tin, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng ở địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được phân công trình UBND tỉnh bố trí ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch.

2. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục III;
- Chánh, các PCVP: UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng